

UNIT 4:

MUSIC AND ARTS

GETTING STARTED

- classical music	(n): nhạc cổ điển
- spare time= free time	(n): thời gian rảnh
- musical instrument	(n): nhạc cụ
- different from	(adj) : khác với
- normally	(adv) : thông thường
- landscape	(n): phong cảnh, cảnh quan
- art gallery	(n): phòng tr. bày nghệ thuật
- talent	(n) : tài năng
- talented	(adj) : có tài
- water puppet show	(n) : ctrình b.diễn m.rối nước
- paintbrush	(n): bút vẽ
- artistic	(adj): có khiếu mỹ thuật
- describe	(v): miêu tả
- somewhat	(adv): hơi, 1 chút
- agree-disagree	(v): đồng ý- không đồng ý